

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Để làm rõ nội hàm của Quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án hình sự, chúng ta cần làm rõ khái niệm, bản chất pháp lý của Thi hành án hình sự.

Theo Hán - Việt từ điển của tác giả Đào Duy Anh, thi hành là: “Đem cái việc đã trù định sẵn mà làm ra cho có hiệu quả”. Như vậy, thi hành án có thể được hiểu là đem bản án của Tòa án ra thi hành trên thực tế cho có hiệu quả; còn Thi hành án hình sự là việc đưa các bản án, quyết định của Tòa án về hình sự đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành trên thực tế. Điều này có ý nghĩa, chỉ các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực và đang có hiệu lực mới được đem thi hành. Đó là các bản án, quyết định hình sự đã được quy định lại khoản 1 Điều 255 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 nhưng chưa quá thời hiệu thi hành đối với những bản án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm; những bản án và quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; những quyết định của Tòa án giám đốc thẩm hoặc tái thẩm¹.

Luật thi hành án năm 2010 quy định đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và đã có quyết định thi hành bao gồm bản án hoặc phần bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm; bản án của Tòa án cấp phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định của Tòa án Việt Nam tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam chấp hành án và đã có quyết định thi hành; quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài. Ngoài ra, bản án, quyết định còn đưa ra các biện pháp tư pháp như bắt buộc chữa bệnh, giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, những bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không có nghĩa là được thi hành ngay mà còn phải

¹ Theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999.

thông qua một thủ tục hành chính, đó là việc Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc được ủy quyền phải ra một văn bản quyết định thi hành án thì mới được thi hành. Quy định này cho thấy, việc Thi hành án hình sự không chỉ phụ thuộc vào pháp luật tố tụng hình sự mà còn phụ thuộc vào các quy định hành chính, thông qua thủ tục hành chính.

Thi hành bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là một hoạt động phức tạp, đa dạng liên quan đến nhiều lĩnh vực, từ việc thi hành các hình phạt chính như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, chung thân, tử hình đến các hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính); các biện pháp tư pháp như tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi, bắt buộc chữa bệnh; các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội như giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng.

Nội dung Thi hành án hình sự rất rộng, bao gồm: thủ tục chế độ, tổ chức thi hành án, áp dụng các biện pháp hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội và thực hiện chế độ, chính sách đối với người bị kết án. Các quan hệ xã hội cụ thể phát sinh trong quá trình thi hành và chấp hành hình phạt như: việc đưa bản án ra thi hành, chỉ định cơ quan, tổ chức thi hành, tổ chức lực lượng, cơ sở vật chất đảm bảo cho việc thi hành án; Quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án; quy định về quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án; nghĩa vụ của cơ quan nhà nước hữu quan... do pháp luật Thi hành án hình sự điều chỉnh.

Từ những vấn đề nêu trên có thể hiểu: Thi hành án hình sự là hoạt động tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật của các cơ quan, tổ chức được Nhà nước trao quyền theo một trình tự, thủ tục do pháp luật Thi hành án hình sự quy định, thể hiện qua việc quản lý, tổ chức các biện pháp tác động đối với người bị kết án hình sự buộc họ phải thi hành đầy đủ, nghiêm chỉnh những nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật Thi hành án hình sự đã quy định cụ thể đối với việc thi hành từng loại hình phạt, trong đó có loại hình phạt mà họ bị Tòa án tuyên, nhằm mục đích quản lý, giáo dục, cải tạo họ thành người lương thiện có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa họ phạm tội mới.

1. Thời kỳ trước tháng 8/1945

Trong lịch sử tổ chức bộ máy nhà nước của các triều đại phong kiến ở nước ta, vấn đề thi hành các hình phạt sau hoạt động xét xử, kiện tụng đã được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng chưa được coi là một hoạt động độc lập trong hoạt động của Nhà nước phong kiến. Do vậy, trong tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến chưa có một hệ thống cơ quan độc lập làm nhiệm vụ thi hành án (mặc dù các triều đại nhà Lê, Nguyễn đã có một số chức quan theo dõi việc thi hành một số loại án nhất định như phạt đồ, lưu, tử...), thủ tục thi hành án trên thực tế vẫn phụ thuộc rất nhiều vào quan lại xét xử. Đây là một trong những nguyên nhân chính làm cho việc thi hành án trên thực tế nhiều khi rất tùy tiện, nhiều trường hợp thiếu khách quan.

Mặt khác, các quy định của pháp luật phong kiến chưa có sự tách bạch rõ ràng giữa tội phạm, các vi phạm pháp luật khác, các tranh chấp dân sự nên đây cũng là một nguyên nhân làm cho công tác thi hành án không được xây dựng thành một hệ thống cơ quan độc lập trong hoạt động của Nhà nước phong kiến.

Các hình phạt của Nhà nước phong kiến do các quan lại xét xử phần lớn được thi hành ngay. Nhiều trường hợp sau khi đã tuyên án (chỉ bằng miệng) là bản án được thi hành ngay tức thì. Việc thi hành án cùng một hình phạt cũng có nhiều hình thức khác nhau, không thống nhất.

Ví dụ: Việc thi hành án tử hình (THATH) có nhiều hình thức khác nhau (hỏa thiêu, bỏ vạc dầu, lãng trì, voi dày, ngựa xéo, chém đầu, chém ngang lưng, treo cổ, uống thuốc độc...)

Hình thức thi hành án không chỉ khác nhau ở mỗi giai đoạn lịch sử mà ngay trong một triều đại cũng khác nhau. Pháp luật hình sự quy định nhiều hình phạt dã man nên thi hành án gây cho nạn nhân nhiều những tổn thương lớn cả về thể chất lẫn tinh thần. Pháp luật không quy định thời hạn chấp hành án đối với án phạt đồ, lưu. Trên thực tế, các triều đại phong kiến thường có đại xá vào dịp Vua lên ngôi, khánh thành chùa, tượng...có thể bốn hay năm năm có một lần đại xá.

Ví dụ, Lý Thánh Tông (1034-1084) có bốn lần đại xá, Lê Thánh Tông đã đại xá trong mấy năm liền 1482, 1484, 1487, không kể các lần trước.

Tư tưởng báo thù trong các cách thức thi hành án vẫn còn tồn tại khá đậm nét trong pháp luật hình sự của Nhà nước phong kiến Việt Nam.

Mặc dù có những hạn chế nhất định, nhưng pháp luật về thi hành án hình sự trong Nhà nước phong kiến Việt Nam cũng có những tiến bộ nhất định:

Thứ nhất, hình phạt và cách Thi hành án hình sự ở Nhà nước phong kiến Việt Nam đã có tính chất giáo dục, phòng ngừa, cải tạo theo phương châm “*dục phạt nhất nhi tuồng bách*” (cần phạt một để răn đe, giáo dục trăm người), “*dụng hình kỳ vu vô hình*” (xây dựng hình để không cần đến hình)...

Quan niệm giáo dục, phòng ngừa còn thể hiện ở chính sách nhân đạo, khoan hồng rộng rãi đối với người thứ tội và tội phạm như: trước khi bị phát giác mà tự thú thì được tha tội (trừ tội thập ác, tội giết người...); phạm tội nhẹ, khi xét hỏi thú tội nặng và các tội khác thì được tha tất cả các tội (trừ tội thập ác, tội giết người...); biết sắp bị tố giác mà tự thú thì được giảm một bậc; không thi hành án với người già trên 90 tuổi và trẻ em dưới 7 tuổi, không thi hành án vào ngày xuân, phụ nữ có thai.

Thứ hai, đối với những người tham gia vào hoạt động chống đối triều đình nhằm cát cứ, tranh giành ngôi vua hay cộng tác với giặc ngoại xâm, các triều đại Lý, Trần, Lê sau khi trấn áp đều có chính sách khoan hồng và có các biện pháp giúp họ tái hòa nhập cộng đồng dân tộc.

Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) được in khắc lần đầu vào năm 1812 và được bổ sung những năm sau đó đã phản ánh những thay đổi nhất định trong việc áp dụng hình phạt của các vua triều Nguyễn.

Trong đó, hình phạt đối với đối tượng phạm tội là quan lại cao cấp, thậm chí cả người thân của vua quan đều căn cứ vào mức độ phạm tội mà xử. Mặt khác, các triều Nguyễn cũng chủ trương dùng hình phạt nặng để “*trị tội răn người*”, trong đó, họ không ngần ngại áp dụng án tử hình với các mức độ khác nhau đối với những trường hợp phạm tội nghiêm trọng, gây hậu quả xấu cho xã hội.

Thứ ba, trong Quốc triều hình luật (hình luật triều Lê Luật – Luật Hồng Đức) - Bộ luật chính thống và quan trọng nhất của triều đại nhà Lê (1428 -1788) đã có các quy định về chế độ giam giữ, chế độ đối với tù bị thương, bị bệnh, về kiểm soát ngục thất... (các điều 658, 659, 660 và 663...) trong đó đã có những

quy định về các hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp. Các vi phạm pháp luật về Thi hành án hình sự đều là tội phạm (đối tượng bị trừng phạt là hình quan, ngục quan, cai ngục... có vi phạm). Đối với án xử các quan lại cao cấp, trong đó có những người thuộc hạng nghị thân (có họ với Vua trong năm thế hệ... được giảm tội) đã có hiệu lực mà không bắt thi hành, tùy trường hợp đau ốm đã xin khám nghiệm, thì ngục quan bị trừng phạt. Cùng với nhiều điều khác quy định trách nhiệm tối thiểu của quan lại, tội các vương công, các nhà quyền quý bao che tội phạm... các điều quy định trên đây về thi hành án thể hiện một tinh thần nhất quán giữ nghiêm pháp luật.

Dưới thời Pháp thuộc, việc thi hành án được chú trọng hơn nhiều, công tác thi hành án đã có những thay đổi nhất định, trong pháp luật nói chung và công tác thi hành án nói riêng đã có nhiều ảnh hưởng của pháp luật thực dân Pháp. Tuy nhiên, với mục đích thôn tính Việt Nam, thực dân Pháp đã xây dựng ở Việt Nam rất nhiều nhà tù ở cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ nhằm đàn áp các phong trào yêu nước, các chiến sỹ cách mạng, các nhân sỹ yêu nước.

2. Thời kỳ từ 8/1945 đến nay

Từ sau Cách mạng tháng Tám thành công, hệ thống chính trị mới được ra đời, trong đó có Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (sau này là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đã đóng vai trò lịch sử hết sức quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Cùng với sự ra đời của Nhà nước dân chủ nhân dân, các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng được thành lập thay thế bộ máy bạo lực tàn bạo của chế độ thực dân phong kiến đã tồn tại ngót một trăm năm trước đó.

Trong những ngày đầu tiên của chính quyền cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh xóa bỏ bộ máy nhà nước của chế độ cũ, như: Sắc lệnh số 18/SL, ngày 08/9/1945 bãi bỏ ngạch học quan; Sắc lệnh số 32/SL ngày 13/9/1945 bãi bỏ ngạch quan hành chính và tư pháp. Song song với công việc trên, Nhà nước ta đã bắt tay xây dựng bộ máy nhà nước cách mạng để bảo vệ xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ngày càng vững mạnh, đè bẹp sự phản kháng của thù trong giặc ngoài. Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật là một bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, công cụ đắc lực phục vụ cho chế độ mới nhanh chóng được thiết lập.

Ngày 28/8/1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa đã công bố danh sách nội các thống nhất quốc gia, trong đó có các Bộ trưởng Nội vụ và Tư pháp. Tiếp đó lại có Sắc lệnh số 33/SL ngày 13/9/1945 của Chính phủ lâm thời, sau đó bổ sung sắc lệnh số 21/SL, ngày 24/01/1946 về việc thành lập các Tòa án quân sự, thiết lập hệ thống xét xử của Nhà nước mới nhằm đảm bảo việc xử lý tội phạm được kịp thời. Ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ chính quyền cách mạng. Cùng với sự ra đời của Tòa án, cơ quan quản lý và tổ chức Thi hành án hình sự từng bước được hình thành và phát triển, đáp ứng các yêu cầu của công tác xét xử và bảo vệ pháp luật.

Sắc lệnh số 13/SL, ngày 24/01/1946 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa về tổ chức các Tòa án và các ngạch thẩm phán đã đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho tổ chức Thi hành án hình sự ở Việt Nam. Tại khoản 3 Điều 3 sắc lệnh quy định. Ban tư pháp xã có quyền "*thi hành những mệnh lệnh của thẩm phán cấp trên*", bao gồm các bản án, quyết định của Tòa án.

Trong những năm đầu của chính quyền cách mạng, tuy chưa có văn bản pháp lý nào quy định tổ chức bộ máy Quản lý nhà nước trong lĩnh vực Thi hành án hình sự nhưng trên thực tế, chức năng đó được nhiều cơ quan trong bộ máy hành pháp thực hiện. Với việc ban hành các Thông tư số 1735/P4 ngày 03/6/1946 về việc thi hành các án hình và Thông tư số 24-BK, ngày 26/4/1949 về việc thi hành các án hình và hộ đã thể hiện rõ vai trò của Bộ Tư pháp - cơ quan chịu trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành trong lĩnh vực Thi hành án hình sự. Cũng trong nội dung các Thông tư trên đã chỉ rõ vai trò chỉ đạo các cơ quan hành chính trong việc chấp hành những quy định của pháp luật về lĩnh vực Thi hành án hình sự và tổ chức Thi hành án hình sự của Bộ Nội vụ: Bộ Tư pháp đề nghị với Bộ Nội vụ chỉ thị cho các cơ quan hành chính khi nhận được trích lục án thi: "*Nếu phạt tù người nào thì cho bắt ngay người phạm pháp rồi giao cho giám đốc đê lao; nếu phạt tiền thì yêu cầu các cơ quan hành chính thu, nộp tiền phạt cho chóng. Khi nào bắt được hoặc thu được tiền phạt thì xin báo cho ông thẩm phán nào đã thỉnh cầu thi hành để ông này biên vào sổ là đã thi hành xong*".

Thông tư số 24-BK ngày 26/4/1949 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thi hành án hình và hộ đã quy định cụ thể những nguyên tắc chấp hành, thể thức

chấp hành các bản án và quyết định của Tòa án. Thông tư đã xác định trách nhiệm Thi hành án hình sự của chính quyền cấp xã.

Để hỗ trợ cho hoạt động xét xử và phục vụ hoạt động Thi hành án hình sự, hệ thống trại giam, nhà giam của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã được thành lập. Thời kỳ đầu, các trại giam, nhà giam chủ yếu được tiếp thu và cải tạo lại hệ thống nhà tù, nhà lao của chế độ cũ. Việc quản lý các nhà giam, trại giam giao cho chính quyền địa phương. Từ ngày 07/11/1950, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 150/SL về tổ chức trại giam, hệ thống trại giam trên toàn quốc mới có sự thống nhất.

Ngày 12/6/1951, liên Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp đã ban hành Nghị định số 181-NV06 ấn định những chi tiết về sự thiết lập, tổ chức và kiểm soát trại giam. Theo nội dung Nghị định trên, việc thành lập và quản lý trại giam được giao cho Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu và cấp tỉnh, Bộ Nội vụ có trách nhiệm kiểm soát các trại giam.

Đến ngày 16/02/1953, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ký Sắc lệnh số 141/SL đổi tên Nha Công an thành Thứ bộ Công an. Tháng 8/1953, trong phiên họp của Hội đồng Chính phủ, Thứ bộ Công an được tách ra khỏi Bộ Nội vụ để thành lập Bộ Công an. Cũng từ đây, Chính phủ giao cho Bộ Công an quản lý hệ thống trại giam toàn quốc.

Trên cơ sở Hiến pháp năm 1959, ngày 14/7/1960. Quốc hội đã thông qua Luật tổ chức Tòa án nhân dân (TAND). Điều 24 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1960 quy định:

“ Tại các tòa án nhân dân địa phương có nhân viên chấp hành làm nhiệm vụ thi hành những bản án và quyết định về dân sự, những khoản xử về bồi thường và tài sản trong các bản án và quyết định về hình sự. Cơ quan Công an có nhiệm vụ thi hành những khoản hình phạt trong những bản án và quyết định về hình sự, trừ những khoản phạt tiền”

Như vậy, lần đầu tiên trong một văn bản luật có tính pháp lý cao đã chính thức quy định công tác thi hành án do hai cơ quan là Tòa án (cơ quan xét xử) và cơ quan Công an (thuộc hệ thống cơ quan hành pháp) đảm nhiệm. Quy định này đã tạo điều kiện cho việc quản lý và tổ chức Thi hành án hình sự được thống nhất trong phạm vi toàn quốc.

Năm 1954, Bộ Công an đã thành lập Cục lao cải (ngày nay là Cục cảnh sát quản lý trại giam) để quản lý hệ thống trại giam trong toàn quốc.

Ngày 26/11/2003, Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự mới. Điều 257 BLTTHS năm 2003 đã quy định cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành bản án và quyết định của Tòa án.

Cơ quan Công an chịu trách nhiệm thi hành hình phạt trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân và tham gia Hội đồng thi hành hình phạt tử hình; *chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc* có nhiệm vụ theo dõi, giáo dục, giám sát việc cải tạo của những người được hưởng án treo hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ; việc thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định *do chính quyền xã phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi thi hành án đảm nhiệm*; Cơ quan thi hành án dân sự thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự trong bản án hình sự; việc thi hành bản án và quyết định của Toá án quân sự *do các tổ chức trong quân đội đảm nhiệm*, trừ hình phạt trục xuất. Việc quy định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan hành chính có thẩm quyền, tổ chức nơi có người thi hành án công tác, học tập... đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức Thi hành án hình sự đạt hiệu quả ngày càng cao hơn.

Ngày 28/8/1989, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh thi hành án dân sự (THADS) đặt cơ sở pháp lý cho việc tăng cường, hoàn thiện tổ chức và hoạt động THADS. Trên cơ sở đó, Quy chế Chấp hành viên đã được ban hành kèm theo Nghị định số 68/HĐBT ngày 06/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

Theo quy định của Pháp lệnh THADS năm 1989 và Quy chế Chấp hành viên, thì chỉ có Chấp hành viên là người được Nhà nước giao trách nhiệm thi hành các bản án và quyết định của Tòa án (theo quy định trước đây, việc thi hành án, ngoài Chấp hành viên có thể do cán bộ thi hành án thực hiện).

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định số lượng biên chế Chấp hành viên, cán bộ thi hành án cho từng Tòa án địa phương. Như vậy, theo quy định trên, trách nhiệm thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản và bồi thường thiệt hại (phần dân

sự trong bản án hình sự) do Chấp hành viên thuộc biên chế các Tòa án địa phương thực hiện.

Đầu năm 1990, công cuộc đổi mới nói chung và cải cách bộ máy nhà nước nói riêng đã được tiến hành một cách khá tích cực, khẩn trương. Hiến pháp năm 1992 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước được Quốc hội khóa IX thông qua vào tháng 10/1992, đã đặt ra những nguyên tắc nền tảng cho quá trình cải cách tư pháp, trong đó, công tác THADS được đổi mới một cách cơ bản.

Khác với Luật tổ chức TAND năm 1960, Pháp lệnh thi hành án dân sự (THADS) năm 1989, Luật tổ chức TAND năm 1992 không quy định thẩm quyền của TAND trong việc thi hành án. Trong khi đó, Luật tổ chức Chính phủ năm 1992 lần đầu tiên đã xác định việc “*quản lý công tác thi hành án*” là một trong những nhiệm vụ của Chính phủ trong lĩnh vực pháp luật và hành chính - tư pháp. Để thực hiện quy định của các đạo luật trên đây về công tác thi hành án, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX ngày 06/10/1992 đã thông qua Nghị quyết về việc bàn giao công tác thi hành án từ TAND các cấp sang các cơ quan của Chính phủ.

Ngày 21/4/1993, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh THADS thay thế Pháp lệnh THADS ban hành ngày 28/8/1989. Bắt đầu từ ngày 01/7/1993, tổ chức và hoạt động THADS chính thức tiến hành theo cơ chế mới. Các cơ quan Quản lý nhà nước về công tác THADS, các cơ quan THADS được hình thành từ trung ương đến các địa phương trong cả nước. Như vậy, theo quy định trên, từ thời gian này, công tác thi hành án nói chung và Thi hành án hình sự nói riêng hoàn toàn do hệ thống cơ quan hành pháp đảm nhiệm. Tòa án có điều kiện tập trung vào hoạt động xét xử. Quy định mới này đã tạo điều kiện cho việc chỉ đạo, điều hành công tác thi hành án được thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Ngày 08/3/1993, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh thi hành án phạt tù. Pháp lệnh đã quy định cơ quan Quản lý nhà nước về công tác thi hành án phạt tù trong phạm vi cả nước, ban hành quy chế trại giam, quyết định các chế độ, kinh phí và các vấn đề khác có liên quan đến việc thi hành án phạt tù nhằm đảm bảo cho bản án, quyết định phạt tù đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành kịp thời, nghiêm chỉnh, đúng pháp luật.

Bộ Nội vụ (Bộ Công an), Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ Quản lý nhà nước trong công tác thi hành án phạt tù (Điều 5 Pháp lệnh thi hành án phạt tù năm 1993).

Lần đầu tiên một văn bản pháp lý có hiệu lực sau văn bản luật đã quy định cơ quan Quản lý nhà nước về thi hành án phạt tù - một lĩnh vực quan trọng nhất trong Thi hành án hình sự. Bộ Quốc phòng Quản lý nhà nước về công tác thi hành án phạt tù và tổ chức thi hành những bản án, quyết định hình sự do các Tòa án quân sự xét xử. Bộ Công an quản lý và tổ chức thi hành về thi hành án phạt tù và tổ chức thi hành các bản án, quyết định hình sự của TAND các cấp xét xử.

Như vậy, kể từ khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, quản lý và tổ chức Thi hành án hình sự đã có những thay đổi căn bản về chất. Cùng với sự phát triển và hoàn thiện các chế tài hình sự đã dần hình thành các cơ quan quản lý và tổ chức Thi hành án hình sự, phát triển thành những cơ quan chuyên trách, xây dựng thành hệ thống từ trung ương đến địa phương với cơ cấu tổ chức tương đối rõ ràng, cơ chế thi hành án được luật định, đội ngũ cán bộ quản lý và thi hành án ngày càng được phát triển cả về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công tác Thi hành án hình sự cũng đã có những thay đổi căn bản về mục đích. Đó là việc thi hành án nhằm mục đích không chỉ trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục, cải tạo họ thành công dân có ích cho xã hội.

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án là một vấn đề khá cấp bách, nằm trong tiến trình cải cách Tư pháp, cải cách bộ máy Nhà nước. Vì vậy, sự ra đời của Luật Thi hành án hình sự giai đoạn này là cơ sở pháp lý bảo đảm cho tính thống nhất của chính sách hình sự, các nguyên tắc thi hành hình phạt, có như vậy mới bảo đảm tính thống nhất của pháp luật. Có thể xây dựng ngay chính sách xã hội hóa đối với một số hình phạt như những tội ít nghiêm trọng trong lĩnh vực kinh tế, áp dụng các biện pháp tư pháp như phạt tiền, tịch thu tài sản, đặt tiền hoặc các tài sản khác để bảo đảm...; và đối với một số đối tượng hạn chế như bị án là người chưa thành niên, người già, phụ nữ giao cho gia đình quản lý, giáo dục, đồng thời phải có những quy định hủy bỏ biện pháp này, bắt đưa vào trại nếu những đối tượng này tái phạm. Đây được coi là sự tiến bộ trong công tác quản lý nhà nước về thi hành án hình sự và bảo đảm nguyên tắc pháp chế XHCN của nhà nước.

Có thể khẳng định rằng, sự ra đời của Luật thi hành án hình sự là chỗ dựa cho việc tổ chức, xây dựng một hệ thống bộ máy thi hành hình phạt, tránh được tình trạng tổ chức phân tán, chức năng thẩm quyền không rõ ràng của các cơ quan chịu trách nhiệm thi hành án hình sự hiện nay. Đồng thời quy định rõ quyền và cũng là trách nhiệm giám sát, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, mà chủ yếu là Viện kiểm sát nhân dân các cấp.



TTBD ĐBDC

